TUE DUC SCHOOL

Name:.....

Class: .....

ACADEMYSTARS 1

WEEKEND WORKSHEET 20

Exercise 1: Look at the picture. Rearrange the letters to find the word.

(Sắp xếp lại các chữ cái để tạo thành từ đúng)

s d r e s 	s o e h s 	j k e t a c 	s i r t h 
t o r u s e r s 	s i k r t 	s c k o s 	t s i h r t 

Exercise 2: Look at the pictures. Write "has got" or "hasn't got".

(Nhìn tranh. Điền "has got" hoặc "hasn't got" vào chỗ trống)

Anna (v)	Alex (x)	Sara (x)	Tom (v)
			

1. Anna _____ a dress.
2. Alex _____ shoes
3. Sara _____ a skirt.
4. Tom _____ trousers.

LIVEWORKSHEETS

Exercise 3: Write "He" or "She". (Điền "He" hoặc "She" vào chỗ trống)

1 He 's got trousers.

2 _____ 's got a dress.

3 _____ hasn't got a T-shirt.

4 _____ hasn't got socks.

5 _____ 's got shoes.

6 _____ hasn't got a jacket.









Exercise 4: Circle the correct word. Match. (Chọn đáp án đúng và nối)

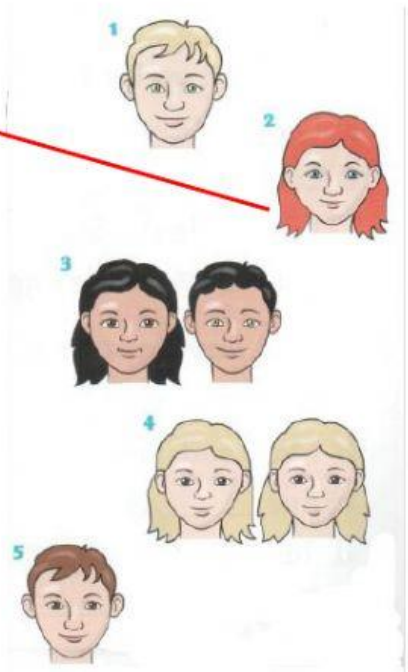
a. She 've/ 's got red hair.

b. He 've/ 's got green eyes.

c. They 've/ 's got blonde hair.

d. He 've/ 's got brown hair.

e. They 've/ 's got black hair.



Exercise 5: Reorder the words. (Sắp xếp lại các từ để tạo thành câu)

1. Tom/ got/ has/ a / hat/ big/.

➔ .....

2. She/ got/ hasn't/ shoes/ purple/.

➔ .....

3. I/ got/ have/ a/ shirt/ green/.

➔ .....

LIVEWORKSHEETS